TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 48 /2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2019*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...C.....
Ngày: 6/6/19

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam, bao gồm: Quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, vùng hoạt động, phương tiện và người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

2. Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động lễ hội truyền thống và hoạt động lặn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân và phương tiện có liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam.

2. Phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển khi tham gia hoạt động phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước ngoài việc tuân theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải, còn phải tuân theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là tàu, thuyền hoặc cấu trúc nổi khác được dùng để phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước có sức chở không quá 05 người và hoạt động trong vùng hoạt động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố (sau đây viết tắt là phương tiện).

2. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước là vùng nước mà phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước được phép hoạt động trong phạm vi ranh giới an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

3. Người lái phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là người trực tiếp điều khiển phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước.

4. Người tham gia vui chơi, giải trí dưới nước là người ở trên phương tiện nhưng không trực tiếp điều khiển phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước, trừ nhân viên phục vụ trên phương tiện.

Chương II
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI, GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động vui chơi, giải trí

1. Hoạt động vui chơi, giải trí phải bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và hiệu quả; góp phần phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Việc đầu tư xây dựng vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt. Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí, người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước và người tham gia vui chơi, giải trí dưới nước phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 5. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

1. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước gồm 02 vùng:

a) Vùng 1: Là vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải;

b) Vùng 2: Là vùng nước khác không thuộc vùng 1, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

2. Thời gian tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này quyết định khoảng thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại vùng 1; cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này quy định khoảng thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại vùng 2.

Điều 6. Điều kiện đối với phương tiện, người lái phương tiện khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

1. Phương tiện phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải thực hiện đăng kiểm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và đăng ký theo quy định tại Nghị định này, trừ phương tiện đã được đăng ký theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải.

2. Đối với người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước

a) Người lái phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải đủ 15 tuổi trở lên, đảm bảo về sức khỏe;

b) Người lái phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 05 sức ngựa phải có giấy chứng nhận lái phương tiện theo quy định;

c) Người lái phương tiện phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động vui chơi, giải trí;

d) Người lái phương tiện không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải được hướng dẫn về kỹ năng an toàn do tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tổ chức trước khi điều khiển phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác vùng hoạt động và cung cấp dịch vui chơi, giải trí dưới nước

1. Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị.

2. Bố trí đầy đủ áo phao, thiết bị cứu sinh, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

3. Chỉ được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí trong khoảng thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và phải có phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Tập huấn, hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí.

5. Không đưa phương tiện vào hoạt động khi không đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định.

6. Không cho phép người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước điều khiển phương tiện ra khỏi vùng hoạt động đã được quy định.

7. Có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp dịch vụ; khuyến cáo những trường hợp không được tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

8. Bố trí khu vực bến, bãi neo đậu cho các phương tiện; các phương tiện vui chơi, giải trí chỉ được phép neo đậu ở những nơi quy định.

9. Bố trí báo hiệu theo quy định; trường hợp không bố trí báo hiệu thì phải bố trí phao và cờ hiệu như sau:

a) Đường kính phao tối thiểu là 50 cm, cờ hiệu 50 x 60 cm;

b) Khoảng cách giữa hai phao hoặc cờ hiệu là 10 m.

Điều 8. Trách nhiệm của người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước

Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 12 của Luật Du lịch, người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước và tự chịu trách nhiệm về tình trạng sức khỏe của mình khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

Chương III
QUẢN LÝ VÙNG HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1

1. Thẩm quyền chấp thuận hoạt động tại vùng 1

a) Trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

b) Trên tuyến đường thủy nội địa địa phương: Sở Giao thông vận tải;

c) Trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải: Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Nội dung chấp thuận đối với vùng hoạt động, gồm: Quy mô, diện tích, mục đích, thời gian sử dụng vùng nước; các yêu cầu về biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 10. Thủ tục chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1

1. Hồ sơ (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản)

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu, trường hợp vùng hoạt động thuộc điểm a và điểm b khoản 1 Điều 9 của Nghị định này báo hiệu phải được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan;

c) Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Thẩm quyền thỏa thuận, công bố vùng hoạt động tại vùng 2

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng 2.

2. Trước khi thực hiện đầu tư dự án đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thỏa thuận với chủ đầu tư về địa điểm, quy mô, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

Điều 12. Thủ tục công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2

1. Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng 1 hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng 1;

c) Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án (nếu có);

d) Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;